TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 7 – 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1956; địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bảo Q, sinh năm 1976, là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1958; địa chỉ thường trú: Số A khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1989 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 08/3/2002. Đến năm 1991 hai vợ chồng có mâu thuẫn nên bà P mang theo người con thứ 2 là Nguyễn Thị Cẩm T bỏ đi nơi khác sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là phía gia đình bà P xem thường ông X nghèo, không biết làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và bà P đánh đập ông X dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng bà P dẫn con về nhà gia đình bên phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống. Đến năm

2002, bà P nói nếu muốn gia đình đoàn tụ thì phải đăng ký kết hôn cho bà có danh có phận, vì thương con, mặc dù không có tình cảm thật sự với bà P nhưng ông X buộc lòng đến Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay, ông X xác định không còn tình cảm gì đối với bà P từ lâu. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 2003, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Căn cước công dân, Giấy kết hôn, giấy khai sinh con.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Bảo Q trình bày: Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị P chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 2002 bà P nói với ông X muốn đoàn tụ gia đình thì phải đăng ký kết hôn để bà có danh phận nên hai vợ chồng đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 08/3/2002. Ông X và bà P có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 2003. Đến năm 1991 phát sinh mâu thuẫn, bà P mang người con thứ 2 là Nguyễn Thị Cẩm T bỏ đi nơi khác sinh sống, ông X nhiều lần khuyên can bà P quay lại để cùng nhau nuôi dưỡng các con nhưng bà P không đồng ý và bà P nhận thất sức khỏe ông X bị suy giảm, mất thị lực, đi lại khó khăn nên bà P bỏ đi cắt đứt mọi liên lạc với ông X từ năm 2002. Hành vi của bà P là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật hôn và nhân gia đình dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 và Điều 22 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông Nguyễn Văn X ly hôn với bà Lê Thị P.

+ Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn X khởi kiện ly hôn đối với bị đơn bà Lê Thị P có nơi cư trú tại địa chỉ: Số A khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1989 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 08/3/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà P là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị P sống chung như vợ chồng từ năm 1989, đến năm 1991 phát sinh mâu thuẫn, bà P mang theo người con thứ 2 là Nguyễn Thị Cẩm T bỏ đi nơi khác sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn là gia đình bà P xem thường ông X nghèo, không biết làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và bà P có đánh đập ông X dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng bà P dẫn con về nhà bên phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống. Đến năm 2002, bà P nói nếu muốn gia đình đoàn tụ thì phải đăng ký kết hôn cho bà có danh phận, vì thương con, mặc dù không có tình cảm thật sự với bà P nhưng ông X buộc lòng đến Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hiện nay, ông X xác định không còn tình cảm gì đối với bà P từ lâu và bà P không còn liên lạc và cắt đứt quan hệ với ông X từ khi ly thân.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc và dẫn đến mâu thuẫn giữa ông X và bà P đã kéo dài rất lâu. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà P không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai hay bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cho thấy bà P không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ

để cùng nhau chung sống xây dựng gia đình. Do đó, lời trình bày cũng như yêu cầu về việc ly hôn của ông X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông X và bà P có 03 con chung tên Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 2003. Xét thấy, các con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X.

[4] Trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn X là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X đối với bị đơn bà Lê Thị P về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn X được ly hôn với bà Lê Thị P.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn X được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- UBND phường Tân Định, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Khang